

PHÁT TRIỂN THỦY ĐIỆN TRÊN LƯU VỰC SÔNG HƯƠNG, NHỮNG TỒN TẠI VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ

Nguyễn Đình

Viện Tài nguyên, Môi trường và PTBV tại TP Huế

Lê Đình Thành - Trường Đại học Thủy Lợi

Tóm tắt: Lưu vực sông Hương có tiềm năng nguồn nước dồi dào đáp ứng đủ các nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Những năm gần đây nhiều công trình thủy lợi, thủy điện đã được quy hoạch và từng bước xây dựng, tuy nhiên trên quan điểm phát triển bền vững và bảo vệ môi trường phát triển thủy điện trên lưu vực đã bộc lộ những vấn đề tồn tại cần được đánh giá. Bài viết nhằm cung cấp bức tranh hiện trạng về quy hoạch và xây dựng các dự án thủy điện tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nhận diện các tồn tại, bất cập về môi trường tự nhiên và xã hội trong quá trình xây dựng và vận hành các công trình; bước đầu đề xuất các giải pháp khắc phục và từng bước nâng cao hiệu quả của các công trình thủy điện trên địa bàn.

1. TÌNH HÌNH QUY HOẠCH VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

1.1. Tình hình chung

Hiện nay Thừa Thiên Huế tồn tại 03 quy

hoạch thủy điện (02 quy hoạch do Bộ Công Thương lập, và 01 quy hoạch thủy điện nhỏ của tỉnh). Tổng công suất theo các quy hoạch thủy điện được duyệt trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 450 MW, cụ thể như bảng 1.

Bảng 1: Các quy hoạch phát triển thủy điện Thừa Thiên Huế

Quy hoạch	Quyết định số	Cơ quan ban hành	Các thủy điện trong Quy hoạch
Quy hoạch thủy điện bậc thang sông Hương	1646/QĐ-NLDK ngày 06/5/2005	Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương)	Bình Điền (công suất 44 MW), Hương Điền (81 MW), Tả Trạch (19,5 MW), A Lưới (170 MW). Tổng công suất 4 dự án: 314 MW
Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc	3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005	Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương)	A Roàng (7,5 MW), Sông Bồ (5 MW), Tà Lương (3 MW), Thượng Nhật (6 MW), Hồ Truồi (6 MW). Tổng công suất 5 dự án: 27,5 MW
Quy hoạch thủy điện nhỏ của tỉnh	1666/QĐ-UBND ngày 23/7/2008	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Alin (2 bậc: Alin B1 và Alin B2 công suất 62 MW), Rào Trăng 3 (11 MW), Rào Trăng 4 (9 MW), Sông Bồ 1 (3 MW), Thượng Lộ (7,5 MW), Ta Li (2 MW), Ô Lâu 1 (1,5 MW), Ô Lâu 2 (1 MW), Ô Lâu 3 (2,5 MW), Vi Linh (1,8 MW), Rào La (6 MW). Tổng công suất 12 dự án: 108,3 MW.

Theo các quy hoạch này, tổng số lượng dự án thủy điện là 21 dự án, trong đó có 4 dự án lớn (trên 30 MW), có 01 dự án về quy mô công trình lớn (Tả Trạch) nhưng công suất thủy điện nhỏ vì

nhiệm vụ chính của dự án này là chống lũ và cấp nước cho hạ lưu, phát điện là kết hợp. Như vậy tổng công suất thủy điện theo qui hoạch khoảng 450 MW nhưng tập trung chủ yếu vào 5 công

trình: A Lưới, Hương Điền, Bình Điền, A Lin B1 và Tả Trạch, với tổng công suất 360 MW chiếm tỷ lệ 80% trên tổng công suất quy hoạch. Thừa Thiên Huế không có dự án thủy điện có hồ, đập có liên quan nằm trên địa bàn tỉnh khác.

1.2. Các công trình đã vận hành phát điện và đang thi công

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 07 công trình thủy điện đã và đang xây dựng với các thông số như trong bảng 2.

Bảng 2: Hiện trạng một số dự án thủy điện tỉnh Thừa Thiên Huế

Công trình	Thông số công trình						Tình trạng xây dựng
	Diện tích lưu vực (km ²)	Dung tích toàn bộ (10 ⁶ m ³)	Dung tích phòng lũ (10 ⁶ m ³)	MNDB T (m)	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT (km ²)	Công suất lắp máy (MW)	
Bình Điền	515	423,7	70,0	85,0	17,1	44,0	Vận hành
A Lưới	331	60,2		553	8,2	170,0	Đang xây dựng
Hương Điền	707	820,67		58,0	33,87	81,0	Đang xây dựng
Tả Trạch	717	646,0	436,0	45,0	23,5	19,5	Đang xây dựng
A Lin B1	133	24,98		602	2,49	42,0	Đang xây dựng
A Roàng	62,5	0,104		468,5	0,74	7,5	Đang xây dựng

Công trình thủy điện Bình Điền đã đưa vào khai thác vận hành từ 5/2009 với sản lượng điện trung bình hằng năm $E_{tb}=181,6$ triệu KWh/năm. Các thủy điện khác đều đang trong quá trình xây dựng, ví dụ thủy điện A Lưới công suất lắp máy 170 MW, hay thủy điện Alin B1 công suất 42 MW sẽ hoàn thành vào năm 2012, hay thủy điện Hương Điền công suất 81 MW dự kiến hoàn thành phát điện tổ máy số 1 quý IV/2010. Hai thủy điện nhỏ là Thượng Nhật (6 MW) và A Roàng (7,5 MW) cũng dự kiến hoàn thành vào năm 2012. Như vậy hầu như theo kế hoạch thì đến năm 2012 các thủy điện trên địa bàn Thừa Thiên Huế cơ bản được vận hành khai thác và sẽ tạo ra những vấn đề cần phải quan tâm nghiên cứu và giải quyết. Các hồ chứa thủy điện nêu trên chỉ có hồ Tả Trạch có dung tích phòng lũ cho hạ du là đáng kể, còn các hồ thủy điện khác hầu như không có, đặc biệt hồ chứa Hương Điền với dung tích lớn (820,67 triệu m³) nhưng không có dung tích phòng lũ cho hạ du là không phù hợp với yêu cầu phòng chống lũ hạ du.

2. NHỮNG TỒN TẠI TRONG XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN Ở THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Những vấn đề đối với môi trường tự nhiên

Qua nghiên cứu các công trình thủy điện ở Thừa Thiên Huế chúng tôi nhận thấy có những vấn đề tồn tại cần quan tâm như sau.

(1)- *Thay đổi và suy giảm dòng chảy hạ lưu sông Hương:*

Việc thi công xây dựng và chặn dòng tích nước các hồ thủy điện trên các nhánh sông đã làm suy giảm số lượng và chất lượng dòng chảy ở hạ lưu, điển hình là tại công trình thủy điện Hương Điền việc tích nước kéo dài từ tháng 12 năm 2009 đã gây ra tình trạng thiếu nước cấp cho sản xuất nông nghiệp các xã hạ lưu sông Bồ, mặt khác ngay vào mùa cạn cũng đã xuất hiện úng ngập cục bộ, ngăn ngày tại các ô trũng ở hạ lưu.

Trong mùa lũ thủy điện Hương Điền vận hành tạo ra tình hình úng ngập kéo dài hơn trước khi có đập, và xói lở hai bờ sông Bồ sẽ nghiêm trọng hơn bởi vì khả năng điều tiết của hồ Hương Điền lớn, lại nhận thêm nước xả từ hồ thủy điện A Lưới, trong khi đó địa chất bờ sông yếu. Sự thay đổi chế độ dòng chảy hạ lưu

các tuyến đập làm tăng tốc độ bồi lắng trên sông Hương và các chi lưu như sông Đông Ba, sông Như Ý, sông La Ý, hói 5 xã, hói 7 xã.

(2)- Suy giảm dòng chảy bùn cát xuống hạ lưu:

Các hồ chứa thủy điện Bình Điền, Hương Điền giữ lại phần lớn bùn cát sông Hương vốn đã không nhiều, biểu hiện khá rõ là lượng cát sạn khai thác trên sông Hương, sông Bồ ngày càng ít, chất lượng cát sạn càng giảm gây ảnh hưởng đến hình thái sông và sinh kế của người dân làm nghề khai thác cát sỏi trên sông. Trước đây khi chưa có đập Bình Điền, người dân còn khai thác cát sạn trên sông Hữu Trạch, nhưng mấy năm trở lại đây, từ khi có đập Bình Điền, người dân hầu như không còn khai thác cát sạn trên sông Hữu Trạch nữa. Vì vậy việc khai thác cát, sạn trên sông Hương hiện nay tập trung trên sông Tả Trạch và sông Hương từ ngã ba Tuần đến chùa Thiên Mục, Kim Long và kéo dài đến đập ngăn mặn Thảo Long ở cuối hạ lưu ở các xã Phú Mậu, Phú Thanh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình, đường sá, nhà cửa của người dân sống ven bờ sông.

Suy giảm trầm tích, bùn cát từ các con sông liên quan chặt chẽ với sự mất ổn định bờ biển tại khu vực các cửa biển và lân cận, làm suy giảm phù sa và dinh dưỡng bổ sung cho vùng đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Mặt khác do các hồ đập làm nhiệm vụ cắt giảm lũ và điều tiết dòng chảy nên tốc độ dòng chảy từ các cửa sông vào vùng đầm phá ra biển hạn chế đi rất nhiều.

(3)- Gia tăng khả năng ô nhiễm và suy giảm chất lượng nước:

Việc làm vệ sinh lòng hồ thủy điện Bình Điền trước khi tích nước được đánh giá là chưa đạt yêu cầu. Nghiên cứu của tư vấn ADB [1] trong dự án cấp nước Thừa Thiên Huế năm 2009 cho thấy thực vật chết nổi lên từ hầu hết phạm vi hồ Bình Điền và hiện tượng phú dưỡng

phát triển rất mạnh. Hậu quả rất rõ ràng với mùi hôi của Sunfua Hidro từ các váng nước, màu sắc và độ đục của nước sông chảy ra. Theo nghiên cứu của Nguyễn Việt Hùng [2] cũng cho thấy nước sông Hương khu vực đập Bình Điền và đoạn sông dài hơn 5 km phần sau đập bị ô nhiễm mùi khá nghiêm trọng.

Kết quả quan trắc của Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế cho thấy hàm lượng các kim loại như sắt, mangan trong nước sông Hương đoạn sau đập Bình Điền tăng lên, mặc dù còn nằm trong giới hạn cho phép của nguồn nước cấp, nhưng khi có thêm các hồ chứa Tả Trạch, Thượng Nhật, Hương Điền, A Lưới,... đi vào vận hành thì vấn đề sẽ phức tạp hơn nhiều. Các nghiên cứu gần đây của Viện Tài nguyên - Môi trường và Công nghệ sinh học [3] và Ban Quản lý dự án sông Hương [4] cho thấy chất lượng nước sông Hương đang có xu hướng giảm, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngày càng tăng đặc biệt là vào các tháng mùa khô.

(4)- Suy giảm đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật vùng hạ lưu:

Tác động của các công trình hồ chứa ở thượng lưu sông Hương đến đa dạng sinh học và tài nguyên sinh vật thể hiện rõ nhất ở vùng đầm phá vùng cửa sông. Theo Võ Văn Phú [5] độ mặn nước đầm phá Tam Giang- Cầu Hai sau khi có hồ Bình Điền duy trì ổn định ở mức cao và tăng lên cao hơn hẳn vào mùa khô, giảm hàm lượng mùn bã hữu cơ bổ sung. Cơ sở thức ăn trong đầm phá giảm kéo theo giảm sản lượng và năng suất khai thác thủy sản.

Theo số liệu đo đạc cho thấy độ mặn biến động theo mùa trong 2 năm 2005 và 2009 là khá lớn, cụ thể tại hai vị trí là đầm Thủy Tú và đầm Cầu Hai, độ mặn giữa hai năm kể cả mùa khô và mùa mưa đều tăng tới trên dưới 1‰ như trong bảng 3.

Bảng 3: Độ mặn đầm Thủy Tú và Cầu Hai năm 2005 và 2009 (đơn vị : ‰)

Vị trí	Năm 2005		Năm 2009	
	Mùa khô	Mùa mưa	Mùa khô	Mùa mưa
Đầm Thủy Tú	17,02	7,04	27,83	16,28
Đầm Cầu Hai	15,15	5,37	28,24	16,09

Sự biến đổi động vật nổi trong các vùng đầm phá năm 2008-2009 so với năm 2000 (trước khi có khi xây dựng các hồ) là rất rõ, theo kết quả nghiên cứu của Võ Văn Phú [5] trong 3 vùng thủy vực Tam Giang, Thủy Tú và Cầu Hai cho thấy mức giảm khoảng 8 lần ở Tam Giang, Thủy Tú, còn ở đầm Cầu Hai còn giảm tới 18 lần (xem bảng 4). Sự giảm sút này còn có nhiều nguyên nhân khác như ô nhiễm xung quanh khu

vực đầm phá, áp lực đánh bắt thủy sản gia tăng lớn cả số lượng và đặc thù của dụng cụ, phương tiện đánh bắt,...

Do độ mặn của đầm phá tăng nên thành phần loài có nguồn gốc biển tăng nhưng do lượng mùn bã hữu cơ bổ sung giảm, làm giảm mật độ động vật đáy. Các công trình đập hồ chứa thượng lưu làm mất khả năng di cư của một số loài cá như cá mè, cá chình,... dẫn đến suy giảm tính đa dạng sinh học.

Bảng 4: Mật độ động vật nổi vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

Thủy vực	Năm 2000 (con/m ³)	Năm 2008-2009 (con/m ³)	Mức giảm (lần)
Tam Giang	2708	331	8,2
Thủy Tú	3520	410	8,6
Cầu Hai	3620	199	18,2

2.2. Những vấn đề liên quan đến môi trường kinh tế, xã hội

Di dân luôn là vấn đề xã hội lớn và phức tạp đối với bất kỳ dự án phát triển nào, đặc biệt là các dự án xây dựng hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Trong số 7 dự án thủy điện đã khởi công tại Thừa Thiên Huế có 5 dự án phải di dân và tái định cư, một số thông tin cụ thể như bảng 5.

Qua nghiên cứu, đánh giá công tác đền bù giải phóng mặt bằng và di dân tái định cư, định cư tại các dự án thủy điện tại Thừa Thiên Huế còn tồn tại một số vấn đề như sau:

- Công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn rộng, khối lượng, thời gian thực hiện dài, đơn giá địa phương thường thay đổi theo các thời điểm khác nhau gây tâm lý thiếu công bằng trong dân nên vận động thực hiện gặp nhiều khó khăn.

- Một số công việc chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật của nhiều dự án còn rất chậm như thủy điện A Lưới, Thượng Nhật, Alin B1 gây mất lòng tin của người dân. Trong khi nghiên cứu về văn hóa xã hội trong các dự án di dân tái định cư chưa được thấu đáo, nhất là các phong tục tập quán văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

Bảng 5: Tình hình di dân tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện tỉnh Thừa Thiên Huế

Công trình	Tổng số hộ di dời	Dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng	Tổng kinh phí (tỷ ĐVN)	Phương thức đền bù, năm thực hiện
Tả Trạch	756	Katu, Bru-Vân kiều	140	Công tác di dân, tái định cư, định canh cho dân đã hoàn thành năm 2005.
Bình Điền	48	Katu	6,7	Xây dựng khu tái định cư, trường học..., chuyển đổi việc làm, hỗ trợ cuộc sống trong 03 năm đầu tiên mua gạo, trâu, bò, gia cầm, năm 2007.
Hương Điền	20	Pa cô	7,5	Xây nhà, định canh, hỗ trợ đời sống 12 tháng đầu cho các hộ mức 30kg gạo/người/tháng.
A Lưới	198	Tà ôi, Pa cô	141	Hỗ trợ 12 tháng đầu với mức 30kg gạo/người/tháng, hỗ trợ tự tái định cư theo nguyện vọng, chuyển đổi nghề nghiệp (1644 nhân khẩu). Cuối năm 2010 hoàn thành.
Alin B1	35		36	Hiện đang lập phương án tái định cư.

Sinh kế của người dân tại vùng tái định cư thiếu ổn định, thu nhập giảm sút so với nơi ở cũ. Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển [6] cho thấy chất lượng cuộc sống của người dân tại nơi ở mới đã được cải thiện về nhà ở, điều kiện văn hóa, xã hội, chăm sóc y tế, giáo dục. Tuy nhiên thu nhập bình quân hàng tháng của hộ giảm sút trên các mặt diện tích canh tác, điều kiện canh tác và các nguồn thu nhập chính.

2.3. Một số tồn tại trong quản lý nhà nước các dự án thủy điện ở Thừa Thiên Huế

(1)- *Về quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình thủy điện:* Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi tăng công suất nhà máy thủy điện, ví dụ thủy điện A Lưới công suất quy hoạch 120 MW qua hai lần điều chỉnh nay công suất đầu tư là 170 MW, hay thủy điện Hương Điền từ 54 MW hiệu chỉnh 81 MW. Điều này có nghĩa chất lượng quy hoạch còn thấp, gây ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật của chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công về đảm bảo chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, tiến độ thực hiện dự án chưa được triển khai thường xuyên và đầy đủ. Tiến độ đầu tư xây dựng công trình, hầu hết các dự án đều chậm so với mục tiêu và yêu cầu do chậm trong công tác giải phóng mặt bằng, khó khăn về nguồn vốn, năng lực của chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công hạn chế, thủ tục đầu tư liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực,...

(2)- *Về thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thủy điện:* Công tác dự báo khí tượng thủy văn tại các hồ chứa còn nhiều khó khăn. Các thông tin dự báo với độ chính xác chưa cao và thời gian dự kiến chưa đủ dài, vì vậy vận hành công trình thiếu chủ động và hiệu quả chưa cao, đặc biệt là khi xả lũ. Việc phối hợp liên lạc, cập nhật thông tin để vận hành giữa các hồ chứa với các cơ quan liên quan ở địa phương chưa thật sự chặt chẽ. Các chủ đầu tư dự án thủy điện chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Quyết định số 30/2006/QĐ-

BCN về quản lý đầu tư các dự án điện độc lập. Các đơn vị quản lý hồ chứa thiếu tập huấn và tuyên truyền cho nhân dân ở những khu vực liên quan phía hạ lưu về quy trình xả lũ của công trình nhằm chủ động phòng tránh thiệt hại.

(3)- *Về thực hiện các quy định quản lý an toàn đập thủy điện:* Thiết bị quan trắc nhìn chung là đơn giản, đo đạc chủ yếu bằng phương pháp thủ công, chưa có thiết bị tự động quan trắc về thấm, lún, chuyển dịch. Chưa có phương án bảo vệ đập, phòng và chống lũ, lụt cho vùng hạ du đập trong tình huống ngập lụt do xả lũ khẩn cấp hoặc tình huống vỡ đập. Công tác xây dựng, thực hiện phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa và bàn giao mốc giới theo quy định tại Nghị định số 112/2008/NĐ-CP của Chính phủ triển khai còn chậm.

3. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN

3.1. Khắc phục và giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các vấn đề tồn tại và điều kiện hiện nay của các dự án thủy điện ở Thừa Thiên Huế, đề nghị thực hiện một số giải pháp sau đây:

(1)- *Giải quyết tốt hơn vấn đề sinh kế cho người dân tái định cư.* Trước hết phải xây dựng chương trình dài hạn, trong đó cần đa dạng hóa và phát huy mọi nguồn lực, chú trọng việc tạo công ăn việc làm, thu hút lao động nhân rỗi, tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng nghiệp và tạo nghề mới để người dân có cuộc sống ổn định. Về chính sách đối với đồng bào dân tộc, ở những nơi có điều kiện cần tạo điều kiện có rừng để dân có thể sống bằng rừng.

(2)- *Khai thác sử dụng có hiệu quả mặt nước hồ chứa thủy điện, tạo điều kiện cho nhân dân sống quanh lòng hồ giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.* Do việc tổ chức quản lý và lập kế hoạch đầu tư, khai thác phục vụ các ngành thủy sản, du lịch, dịch vụ giải trí của các hồ thủy điện chưa được chú trọng nên hiệu quả sử dụng nước các hồ chứa thủy điện trong thực tế còn rất hạn

chế. Nếu khai thác, sử dụng tốt mặt nước hồ chứa, đời sống của nhân dân khu vực quanh hồ chứa sẽ có điều kiện để cải thiện, nâng cao hơn.

(3)- *Triển khai đồng bộ và có hiệu quả các chương trình dự án kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.* Tập trung đầu tư thực hiện chương trình kinh tế xã hội vùng đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, dự án di dời dân vạn đò trên sông Hương, dự án thoát nước đô thị Huế,... Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên cần nghiên cứu ban hành các qui định chặt chẽ về khai thác cát sạn trên sông, điều chỉnh qui hoạch khai thác cát sạn trên các tuyến sông cho phù hợp với điều kiện mới.

(4)- *Tăng cường nghiên cứu và đầu tư xây dựng các công trình thoát nước, chống úng ngập cho đồng bằng hạ du,* đặc biệt là các vùng thấp trũng tại các huyện Quảng Điền, Phú Vang, Hương Trà, thành phố Huế. Đồng thời tăng cường đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ bờ, chống xói lở, bồi lắng.

3.2. Tăng cường bảo vệ môi trường tự nhiên và giảm lũ hạ lưu

Môi trường tự nhiên lưu vực đóng vai trò đặc biệt quan trọng, do vậy phải có những giải pháp tổng thể và toàn diện nhưng cũng cụ thể để đảm bảo môi trường tự nhiên toàn lưu vực sông Hương. Một số giải pháp khả thi và phù hợp được đề xuất như sau:

(1)- *Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật* có liên quan và văn bản cam kết trong đánh giá tác động môi trường các dự án thủy điện, kể cả thủy điện nhỏ như cụm Rào La, Rào Trăng 3 và 4 (các dự án này ảnh hưởng đến khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Điền). Giám sát nghiêm túc việc thu dọn lòng hồ trước khi tích nước với sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội và nghề nghiệp, các nhà khoa học để nâng cao trách nhiệm xã hội của các chủ đầu tư. Chấm dứt tình trạng chủ đầu tư tích nước khi chưa có sự cho phép của tỉnh.

(2)- *Tăng cường trồng rừng khu vực thực hiện dự án:* Tổng diện tích đất thu hồi trong 7

dự án thủy điện đã và đang thực hiện tại Thừa Thiên Huế khoảng 123.140 ha, trong đó dự án A Lưới là chủ yếu với 114.258 ha. Đất thu hồi này chủ yếu là rừng nghèo, cỏ lau, đất trồng cây tạp, đất bồi ven sông, suối, ...Do vậy cần có kế hoạch dài hạn để phục hồi và trồng rừng phòng hộ quanh các hồ chứa này để bảo vệ đất, chống xói mòn, giảm đình lũ và bùn cát về hồ.

(3)- *Nghiên cứu điều chỉnh giảm mức nước trước lũ ở các hồ chứa, tăng dung tích phòng lũ của các công trình hồ chứa thủy điện.* Các công trình thủy điện hiện nay (trừ hồ Tả Trạch) thường chỉ chú trọng tới hiệu quả về phát điện và lợi nhuận của đầu ra, chưa đưa yêu cầu phòng lũ cho hạ du như là một trong những nhiệm vụ chính của công trình. Đề nghị cần nghiên cứu, ban hành qui định bắt buộc về dung tích phòng lũ cho hạ lưu đối với các dự án thủy điện. Hiện nay do đã có đập Thảo Long ngăn mặn, giữ ngọt ở hạ lưu, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh giảm mức nước trước lũ ở các hồ chứa, phải dành dung tích phòng lũ tương ứng với dung tích hồ chứa. Đồng thời giám sát việc thực hiện qui trình vận hành hồ chứa thủy điện một cách khoa học và thích hợp, bổ sung, điều chỉnh quy trình vận hành đập ngăn mặn Thảo Long phối hợp với các hồ chứa đầu nguồn để đảm bảo dòng chảy cung cấp cho đầm phá, tránh gây hiện tượng mặn hóa hay ngọt hóa đầm phá do tháo không đủ hay quá mức cần thiết.

3.3. Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các công trình thủy điện

Trong thời gian qua công tác quy hoạch, thiết kế và quản lý, vận hành các công trình thủy điện về mặt quản lý nhà nước cần có một số kiến nghị như sau:

(1)- *Điều chỉnh, bổ sung các qui định pháp luật về đầu tư xây dựng các công trình thủy điện,* ví dụ quy định tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP thì cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chỉ góp ý kiến về thiết kế cơ sở của dự án. Như vậy, chủ đầu tư dự án có thể

không tuân thủ hoàn toàn các yêu cầu đảm bảo an toàn công trình của cơ quan quản lý nhà nước để tiết kiệm chi phí.

(2) - *Cụ thể hóa các qui định phối hợp giữa các chủ hồ chứa thủy điện với các ngành dùng nước của tỉnh.* Hiện nay chưa có sự phối hợp nên hiệu quả khai thác các hồ chứa còn hạn chế. Phải rà soát lại công tác tổ chức, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi, thủy điện. Một tổ chức điều phối các hoạt động quản lý tổng hợp lưu vực sông Hương trên cơ sở Nghị định 120/2008/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý lưu vực sông được nhiều nhà khoa học đề xuất [7] là vấn đề cần được cấp có thẩm quyền của tỉnh quan tâm xem xét.

(3)- *Khẩn trương xây dựng Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Hương.* Xây dựng một quy trình vận hành liên hồ chứa là điều tất yếu bởi vì có thể giải quyết một số mâu thuẫn trong khai thác sử dụng tài nguyên nước và phòng chống thiên tai lũ, hạn trên lưu vực sông Hương. Trong quy trình cần quy định cụ thể việc phối hợp chỉ đạo, thực hiện nhằm đảm bảo an toàn và phát huy hiệu ích tổng hợp của hệ thống hồ chứa trên lưu vực.

4. KẾT LUẬN

Phát triển thủy điện luôn mang lại lợi ích cao trong bối cảnh phát triển nhanh của đất nước,

năng lượng thủy điện rẻ, dễ khai thác và là “nguồn năng lượng có khả năng tái tạo”. Ở Việt Nam nói chung và trên lưu vực sông Hương nói riêng nhiều năm qua đã phát triển thủy điện nhanh chóng, dồn dập. Điều này gây ra những áp lực rất lớn đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Phát triển thủy điện trên lưu vực sông Hương đã và đang có những vấn đề tồn tại, hạn chế cần được nghiêm túc nghiên cứu, đánh giá để đưa ra những giải pháp điều chỉnh phù hợp và hiệu quả.

Trong đó những vấn đề lớn là thay đổi dòng chảy hạ lưu, thay đổi bùn cát và chất lượng nước dẫn tới các hậu quả như mất ổn định lòng dẫn, cửa sông, tác động đến sinh thái vùng đầm phá, giảm đa dạng sinh học. Đối với xã hội vấn đề di dân tái định cư cũng cần được xem xét lại một cách nghiêm túc nhằm đảm bảo cho người dân có sinh kế bền vững, thu nhập được tăng cao. Lợi ích của ngành điện phải được thể hiện rõ hơn trong việc nâng cao đời sống cộng đồng của các vùng dự án.

Những giải pháp đề xuất liên quan đến ba lĩnh vực môi trường tự nhiên, các vấn đề kinh tế, xã hội và công tác quản lý nhà nước đối với phát triển, quản lý thủy điện là những nội dung quan trọng và cần được từng bước thực hiện một cách hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

[1] ĐỖ NAM, NGUYỄN VĂN CƯ, BÙI THỊ MAI, Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 5(76)-2009, Huế, tháng 10/2009.

[2] LÊ VĂN THĂNG và nnk, Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng nước sông Hương năm 2003-2004-2006, tài liệu lưu trữ Viện Tài nguyên, Môi trường và Công nghệ sinh học- Đại học Huế

[3] NGUYỄN VIỆT HÙNG, Đánh giá hiện trạng và dự báo chất lượng nước sông Hương, Tuyển tập báo cáo hội thảo khoa học đề tài cấp nhà nước KC.08/06-10, Hà Nội, tháng 5/2010

[4] NGUYỄN ĐÌNH và nnk, Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng nước sông Hương năm 2008, tài liệu lưu trữ Ban Quản lý dự án sông Hương, Huế, tháng 12/2008.

[5] NGUYỄN NHƯ BÌNH và nnk, Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đảm bảo ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân vùng di dân, tái định cư thuộc các dự án thủy lợi, thủy điện ở Thừa Thiên Huế, Báo cáo Đề tài NCKHCN, Huế, tháng 4/2010

[6] SEURECA, ADB TA 7089-VIE, Những vấn đề liên quan đến bảo vệ chất lượng nước ở tỉnh

Thừa Thiên Huế- Nguy cơ đe dọa và các giải pháp, Báo cáo Tư vấn Dự án cấp nước Thừa Thiên Huế, tháng 8/2008

[7] VÕ VĂN PHÚ, VÕ THÀNH TRUNG, Đánh giá tác động của chế độ thủy văn sông Hương đến đa dạng sinh học hệ đầm phá Tam Giang- Cầu Hai và các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, Tuyển tập báo cáo hội thảo khoa học đề tài cấp nhà nước KC.08/06-10, Hà Nội, tháng 5/2010

Abstract

HYDROPOWER DEVELOPMENT ON HUONG RIVER BASIN, LIMITATIONS AND THE MEASURES TO IMPROVE THE BENIFITS

Nguyen Dinh,

Institute of Resources, Environment

and Sustainable Development in Hue City

Le Dinh Thanh - *Water Resources University*

In general, Huong river basin has large potential of water resources for requirements of social and economical development in Thua Thien Hue province and the region. In recent years, on the basin many projects in irrigation and hydropower have planed and constructed. However, on the concepts of the sustainable development and environmental protection, the hydropower projects on Huong river basin have shown the limitations and disadvantages which must be studied and assessed. This paper provides the picture of planning and implementing status in hydropower development, and also mentions about the problems in operation and management of these hydropower projects. From these, the study proposes some measures and options to mitigate negative problems and improve the effects of the hydropower projects in province.